TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST. Ngày: 22/11/2023. *V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chế Thị Mai và ông Trương Duy Cảnh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, Tỉnh KonTum .

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan Vi – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 22/11/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum - tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 114/2023/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2023, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L. sinh năm 1984. "Vắng mặt".

Địa chỉ: Xóm N, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Bùi Thanh H. sinh năm 1979. "Vắng mặt".

Địa chỉ: Thôn M, xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Phạm Thị Lụa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Bùi Thanh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 06/5/2009, tại UBND xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Việc kết hôn của chị và anh Hi là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc được hơn mười năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H chơi bời cờ bạc, phá tán tài sản, chị khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H không nghe, vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, xúc phạm nhau, chị để anh H sửa chữa khuyết điểm từ năm 2017 đến năm 2020 nhưng anh H vẫn chứng nào tật ấy không thay đổi nên chị đã đưa cả hai con chung về quê Nam Định ở từ đó đến nay. Vợ, chồng không quan tâm đến nhau việc ai người ấy làm, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Thanh H.

Về con chung: Chị khai, vợ, chồng sinh được 02 con chung là Bùi Thanh N, sinh ngày 14/12/2011 và Bùi Thanh N, sinh ngày 09/5/2010. Từ khi chị bỏ về

nhà mẹ đẻ ở Nam Định đến nay, chị dẫn cả 02 con về nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn chị có nguyện vọng và yêu cầu Tòa án giao cả 02 con cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Vì lý do, trong thời gian các cháu ở với chị, chị vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu khỏe mạnh, cho ăn học mà không có sự đóng góp tiền của anh H; Về tài sản chung, nợ chung: Không có; Về án phí dân sự sơ thẩm chị nhận chịu.

Bị đơn: Anh Bùi Thanh H đã được Tòa án thông báo, triệu hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H không tham gia tố tụng, không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn; đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:**

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Thanh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L. Chị L được ly hôn với anh Bùi Thanh H. Vì hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Các con chung đều chưa đủ 18 tuổi, nguyên đơn có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung, vì hiện tại chị L đang trực tiếp nuôi con, nguyện vọng của các con đều muốn ở với mẹ nên chấp nhận yêu cầu của chị L giao cả 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật cần chấp nhận; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết; Án phí dân sự sơ thẩm chị L phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Kon Tum nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án thành phố Kon Tum giải quyết là đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn như đề nghị của đại diện VKS là đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] *Về nôi dung vụ án:*

- Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và chị anh Bùi Thanh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Xét nguyên nhân mâu thuẫn:

Chị Phạm Thị L xin ly hôn với anh Bùi Thanh H, anh H biết việc khởi kiện xin ly hôn của chị L nhưng không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết, anh H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Qua các tài liệu, chứng cứ thấy rằng, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị L và anh H đã xảy ra mâu thuẫn do anh H không tu chí làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau, mâu thuẫn trong thời gian dài từ năm 2017 đến năm 2020 nhưng không hòa thuận nên chị L để bỏ nhà đi; anh, chị đã không còn chung sống với nhau từ đó đến nay (BL 20, 41). Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng chị L và anh H không có sự tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Hôn nhân của chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Thanh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Xét về yêu cầu của chị L được giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy, vợ, chồng chị L và anh H sinh được 02 con chung là Bùi Thanh N, sinh ngày 14/12/2011 và Bùi Thanh N, sinh ngày 09/5/2010. Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định thì khi ly hôn vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng anh H biết việc yêu cầu tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị L nhưng không có ý kiến, không thỏa thuận việc nuôi con sau khi ly hôn nên HĐXX căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết và căn cứ vào nguyện vọng của con trên 07 tuổi để quyết định việc giao con sau ly hôn. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Từ khi vợ, chồng chị L, anh H không còn chung sống với nhau, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung, không có sự đóng góp tiền nuôi con từ anh H nhưng chị L vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu tốt, thể hiện việc các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ sau khi bố, mẹ ly hôn. Căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu về nuôi con sau ly hôn của chị L là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm (Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm): 300.000 đồng, chị L phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" của nguyên đơn chị Phạm Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Bùi Thanh H.

- Về con chung: Giao con chung là Bùi Thanh N, sinh ngày 14/12/2011 và Bùi Thanh N, sinh ngày 09/5/2010 cho chị Phạm Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Bùi Thanh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

3. Về án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình sơ thẩm) là: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Phạm Thị L phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị L đã nộp theo biên lai số 0001389 ngày 25/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Chị Phạm Thị L đã nộp đủ tiền án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung